

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/12/2020  
Về việc: *Ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đức Chính

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Cừ

Ông Nguyễn Văn Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 137/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/12/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh H**, sinh năm 1974

Trú tại: Số nhà 01, ngách 5, ngõ 15, đường T, tổ 4, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt

**2. Bị đơn: Anh Biện Thanh H**, sinh năm 1972

Trú tại: Số nhà 192, đường N, tổ 3, phường N, thành phố H - Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Biện Thanh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tổ chức lễ cưới vào ngày 20/3/1998, trước khi cưới có đến UBND phường B làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng do không hiểu biết nên sau đó không lên đăng ký theo quy định, hiện nay không có tên trong sổ đăng ký kết hôn lưu giữ tại phường. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng bình thường đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ tháng 10/2019 đến nay tôi về nhà ngoại ở phường T và kể từ đây vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung Biện Thanh P, sinh ngày 19/12/1998 và Biện Thị Huyền N, sinh ngày 24/12/2000. Hiện nay các con đã trưởng thành ở với ai là do các con quyết định.

Về tài sản chung: Có một thửa đất diện tích 105,3m<sup>2</sup> ; Địa chỉ thửa đất tại số 192, đường N và một ngôi nhà hai tầng trên thửa đất này, về tài sản chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, không có nợ chung.

***Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Biện Thanh H trình bày:***

Anh thừa nhận về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn đúng như chị Trần Thị Thanh H trình bày, chị H xin ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có hai con chung Biện Thanh P, sinh ngày 19/12/1998 và Biện Thị Huyền N, sinh ngày 24/12/2000. Hiện nay các con đã trưởng thành ở với ai là do các con quyết định.

Về tài sản chung: Vợ chồng có số tài sản như chị trình bày, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị Thanh H khởi kiện xin ly hôn chị với anh Biện Thanh H (trú tại: tổ 3, phường N, thành phố H). Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Trần Thị Thanh H và anh Biện Thanh H thừa nhận hai người chung sống như vợ chồng từ ngày 20/3/1998, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn, có xác nhận của UBND phường nơi anh chị cư trú, theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị Trần Thị Thanh H khởi kiện xin ly hôn anh Biện Thanh H căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Thanh H và anh Biện Thanh H .

[4] Về con chung: Chị H và anh H đều thừa nhận có 2 con chung Biện Thanh P, sinh ngày 19/12/1998 và Biện Thị Huyền N, sinh ngày 24/12/2000. Hiện nay các con đã trưởng thành, con ở với ai là quyền của các con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Đất và nhà các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; xử:

**1. Về hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Thanh H và anh Biện Thanh H.

**2. Về án phí:** Chị Trần Thị Thanh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001543 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Báo cho nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Đức Chính**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Duy Cừ**

**Nguyễn Văn Thanh**

**Trần Đức Chính**